

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 10-4-2025

V/v “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán trong hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm

2. Bà Lê Thị Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hoà – Thư ký Tòa án, Tòa
án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi***
tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ,
tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
173/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024; về việc “tranh chấp
hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
28/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên
tòa số: 40/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương
sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 (nay đổi tên thành
Ngân hàng Thương mại cổ phần L3)

Địa chỉ: Tòa nhà C, số A T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T – Chủ tịch hội
đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh N – Giám đốc Ngân hàng
Thương mại cổ phần L3 – Chi nhánh Q (theo văn bản uỷ quyền số

636/2024/QĐ-CTHĐQT ngày 08/10/2024)

Địa chỉ: Số C T, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo uỷ quyền lại:

- Ông Dương Ngọc Đ, sinh năm 1987- Chức vụ: Giám đốc phòng G; địa chỉ trụ sở: B đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1968 – Chức vụ: CNXLN – Phòng THN phía Nam; địa chỉ trụ sở làm việc: Số C T, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn B, sinh năm 1973 và bà Lê Thị N1, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Bà N1 có mặt, ông B vắng mặt lần thứ hai không có lý do

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1934

- Chị Nguyễn Lê Hồng L, sinh năm 2002

- Anh Nguyễn Lê Phương L1, sinh năm 1999

- Ông Nguyễn L2, bà Lê Thị T1

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Tất cả đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2022, quá trình giải quyết và tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 (nay đổi tên thành Ngân hàng Thương mại cổ phần L3) đã cho bà Lê Thị N1 và ông Nguyễn B vay số tiền 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số HDTD4032018164 ngày 16/3/2018, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh thuỷ hải sản, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày 20/3/2018, lãi suất cho vay áp dụng trong ba tháng đầu là 9%/năm, từ tháng thứ 4 áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng/lần, kỳ hạn trả gốc bên vay trả gốc cuối kỳ, ngày trả gốc cụ thể được ghi trong kế ước nhận nợ trả lãi vào ngày 19 hàng tháng. Khi vay ông B, bà N1 có thể chấp cho Ngân hàng hai tàu cá QNg-98231-TS , QNg-94002-TS và quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với

đất tại thửa số 1040, tờ bản đồ số 36 xã P (nay là phường P) để đảm bảo khoản vay. Tuy nhiên sau khi vay ông B, bà N1 thực hiện trả gốc, lãi một thời gian sau đó không thực hiện đúng cam kết trả nợ đúng hạn; Ngân hàng đã thông báo đòi nợ nhiều lần nhưng ông B, bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Yêu cầu ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 trả số tiền vay gốc, lãi tính đến hết ngày 10/4/2025 là 537.939.609 đồng; trong đó nợ gốc 153.291.720 đồng, lãi trong hạn 2.260.130 đồng và tiền lãi quá hạn 382.387.759 đồng và ông B, bà N1 tiếp tục trả số tiền lãi và phí phát sinh kể từ sau ngày 10/4/2025 đối với số tiền nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Trường hợp ông B, bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần L3 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36 xã P, thị xã Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 43/2018/HĐTC/PGĐucPho ngày 16/03/2018.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông B, bà N1 có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Đối với hai chiếc tàu cá QNg-98231-TS , QNg-94002-TS ông B, bà N1 đã thế chấp, Ngân hàng xin rút yêu cầu đối với việc xử lý tài sản thế chấp.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị N1 trình bày:

Năm 2018 bà cùng chồng là Nguyễn B cần vốn đầu tư nghề đánh cá nên ngày 16/3/2018 vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng thương mại cổ phần B1 (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần L3) số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày 20/3/2018, lãi suất 9%/năm, vợ chồng bà đã nhận đủ tiền vay. Sau khi vay tiền vợ chồng bà có trả gốc, lãi theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên thời gian sau do dịch bệnh nên làm ăn thất bại không có tiền trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện vợ chồng bà.

Để đảm bảo khoản tiền vay nêu trên vợ chồng bà có thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần L3 các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1040 tờ bản đồ số 36 phường P, thị xã Đ,

tỉnh Quảng Ngãi; hai tàu cá QNg-98231-TS và QNg 94002-TS. Vợ chồng bà và ngân hàng đã thoả thuận xử lý hai chiếc tàu cá trả nợ cho ngân hàng.

Bà Lê Thị N1 công nhận vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần L3 toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 10/4/2025 là: 537.939.609 đồng; trong đó: nợ gốc 153.291.720 đồng, lãi trong hạn 2.260.130 đồng và tiền lãi quá hạn 382.387.759 đồng theo hợp đồng tín dụng số HDTD4032018164 ngày 16/3/2018. Vợ chồng bà chấp nhận trả số nợ nêu trên và lãi phát sinh sau ngày 10/4/2025 theo mức lãi đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng đến khi trả hết các khoản nợ.

Tài sản gắn liền với thửa đất 1040 tờ bản đồ số 36 phường P hiện nay gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 là thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà. Ngoài ra trên thửa đất này còn có 01 ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng ông Nguyễn L2, bà Lê Thị T1 xây dựng ở từ năm 2018 trước khi thế chấp.

Trong trường hợp vợ chồng bà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần L3 thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp cho khoản vay trên để xử lý thu hồi nợ bà không có ý kiến gì.

Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Lê Hồng L, anh Nguyễn Lê Phương L1, ông Nguyễn L2 và bà Lê Thị T1; nhưng ông B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đồng thời cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo qui định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn bà Lê Thị N1 thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng dân sự. Bị đơn bị đơn ông Nguyễn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L3 số tiền nợ gốc, lãi vay tính đến hết ngày 10/4/2025 là: 537.939.609 đồng; trong đó: nợ gốc 153.291.720 đồng, lãi trong hạn 2.260.130 đồng và tiền lãi quá hạn 382.387.759 đồng và bị đơn tiếp tục trả lãi đối với số tiền trên dư nợ gốc sau ngày 10/4/2025 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD4032018164 ngày 16/3/2018 cho đến khi ông B, bà N1 trả xong khoản nợ trên. Trường hợp ông B, bà N1 không trả số tiền nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ; cho ông Nguyễn L2, bà Lê Thị T1 là chủ sở hữu có nhà trên thửa đất này được quyền ưu tiên mua (nhận chuyển nhượng) nếu họ có nhu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu xử tài sản thế chấp hai tàu cá QNg-98231-TS và QNg 94002-TS

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần L3 khởi kiện bị đơn ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 cùng cư trú phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Về tố tụng: Ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Lê Hồng L, anh Nguyễn Lê Phương L1, ông Nguyễn L2 và bà Lê Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số HDTD4032018164 ngày 16/3/2018 ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần L3 và bị đơn ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 với số tiền vay là 600.000.000 đồng (*bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng chẵn*) với mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh thủy hải sản; Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần L3 và ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 đã xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi

theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng trình tự của pháp luật về tín dụng ngân hàng. Vì vậy hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán: Theo trình bày của đương sự và đối chiếu tài liệu nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ xác định: Ngân hàng thương mại cổ phần L3 đã giải ngân cho bị đơn ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 nhận số tiền vay gốc theo Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Trong quá trình vay ông B, bà N1 đã trả được 446.708.280 đồng nợ gốc. Tính đến hết ngày 10/4/2025, ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần L3 số tiền nợ gốc là 153.291.720 đồng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 153.291.720 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chưa thanh toán: Từ khi vay cho đến nay ông B, bà N1 trả nợ lãi vay không đúng theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD4032018164 ngày 16/3/2018. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn lại sang nợ quá hạn. Nguyên đơn đã áp dụng nhiều biện pháp thông báo, đôn đốc nhưng bị đơn không trả tiền lãi trong nhiều tháng, nhiều kỳ liên tiếp và các bên không thoả thuận về việc gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Ngân hàng đã chuyển phần dư nợ gốc đến hạn thanh toán của Hợp đồng tín dụng nhưng không được ông B, bà N1 thanh toán sang nợ quá hạn. Vì vậy, tổng số tiền lãi tính đến hết ngày 10/4/2025 ông B, bà N1 chưa thanh toán cho Ngân hàng nợ lãi vay trong hạn là: 2.260.130 đồng và tiền lãi quá hạn 382.387.759 đồng. Ông B, bà N1 còn phải chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD4032018164 ngày 16/3/2018 sau ngày 10/4/2025 cho đến khi thanh toán xong. Vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét Hợp đồng thế chấp và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

[3.1] Về giá trị hiệu lực của Hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 43/2018/HĐTC/PGĐucPho ngày 16/03/2018: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36 Phường P, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Diện tích: 383,3 m² là tài sản của ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1.

Các bên đương sự đều thừa nhận tại thời điểm thế chấp thửa đất thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1. Xét thời điểm giao kết Hợp đồng thế chấp, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết, nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý.

[3.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36 Phường P, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Diện tích: 383,3 m² theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 43/2018/HĐTC/PGĐucPho ngày 16/03/2018. Các bên đương sự thống nhất đây là tài sản bảo đảm cho khoản vay tín dụng; trường hợp bị đơn không trả được nợ thì bị đơn đồng ý giao tài sản để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ. Do đó Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp trên trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận.

Theo trình bày của bà Lê Thị N1 và qua xem xét, thẩm định tại chỗ có cơ sở xác định hiện trên thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36 Phường P có một ngôi nhà của vợ chồng ông B, bà N1 và một ngôi nhà của vợ chồng ông Nguyễn L2, bà Lê Thị T1. Do đó, trường hợp xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng diện tích đất thì cần dành cho ông Nguyễn L2, bà Lê Thị T1 là chủ sở hữu có nhà trên thửa đất này được quyền ưu tiên mua (nhận chuyển nhượng) nếu họ có nhu cầu.

Ngoài ra để đảm bảo khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần L3 và ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 có ký hợp đồng thế chấp tài sản 44/2018/HĐTC/PGĐucPho ngày 16/03/2018, có đăng ký giao dịch bảo đảm với 02 chiếc tàu cá QNg-98231-TS, QNg-94002-TS; tuy nhiên nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với việc xử lý tài sản thế chấp là hai chiếc tàu cá. Đây là quyền định đoạt của đương sự, không trái pháp luật nên theo qui định tại Điều 5, Điều 127 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nguyên đơn đã tạm ứng số tiền 7.000.000 đồng đã thanh toán xong nên yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận; buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 7.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 25.517.584 đồng (làm tròn số là 25.517.000 đồng). Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, 228, các Điều 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 323, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần L3. Buộc ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L3 số tiền vay gốc và lãi tính đến hết ngày 10/4/2025 là: 537.939.609 đồng; (trong đó nợ gốc 153.291.720 đồng, lãi trong hạn 2.260.130 đồng và tiền lãi quá hạn 382.387.759 đồng). Ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 10/4/2025 trên số tiền dư nợ gốc còn lại theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD4032018164 ngày 16/3/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Trường hợp ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần L3 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36 Phường P, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi là tài sản của ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 (*theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 43/2018/HĐTC/PGĐucPho ngày 16/03/2018*)

+ Nếu số tiền bán tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1040, tờ bản đồ số 36 phường P lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L3 thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1.

Nếu số tiền bán tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần L3 thì ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần L3 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1040, tờ bản đồ số 36 phường P thì ông Nguyễn L2, bà Lê Thị T1 là chủ sở hữu có nhà trên đất này được quyền ưu tiên mua (nhận chuyển nhượng) nếu họ có nhu cầu.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 2 chiếc tàu cá QNg-98231-TS , QNg-94002-TS

3. Về án phí: Ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 cùng chịu 25.517.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.841.326 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm bốn mươi một nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng*) theo biên lai số 0002211 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn B, bà Lê Thị N1 phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L3 số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Minh Trung

